

GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CHÈO TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

I HÀ THỊ HOA

Email: hahoa1966@gmail.com

Trường ĐHSP Nghệ Thuật TW

STORYTELLING IN THE ANCIENT “CHEO” STAGE AND VIETNAMESE CULTURAL VALUE INSIDE

TÓM TẮT

Sân khấu Chèo là sân khấu kể chuyện, là sự tái hiện sự kiện theo trình tự thời gian, theo lo gic cuộc sống. Ở chèo gần như không có sự đảo lộn trật tự của không gian và thời gian nghệ thuật. Từ góc nhìn văn hóa, đây là sự thuận theo tự nhiên, sự tôn trọng những “quyền lực” của thiên nhiên, hơn nữa, là sự hòa đồng với tự nhiên của người Việt cổ. Truyền thống này đã ăn sâu trong tâm thức người Việt và trở thành một thứ ứng xử văn hóa riêng, truyền thống này đã tạo cho các “tác giả” dân gian một cách thể hiện độc đáo. Do đó, sân khấu kể chuyện trong Chèo cổ không chỉ đơn thuần là kiểu hay là phong cách nghệ thuật, nó còn là kết quả của văn hóa, thể hiện một giá trị văn hóa dân tộc.

Từ khóa: Giá trị nghệ thuật Chèo

ABSTRACT

Cheo stage is a story-telling stage, a re-enactment of events in chronological order, following the logic of life. In rowing, there is almost no disturbance of the order of artistic space and time. From a cultural point of view, this is the obedience to nature, the respect for the "powers" of nature, moreover, the harmony with nature of the ancient Vietnamese. This tradition has been deeply ingrained in the Vietnamese mind and has become a kind of cultural behavior of its own, which has given folk "authors" a unique expression. Therefore, the narrative stage in Ancient Cheo is not merely an art style or style, it is also the result of culture, expressing a national cultural value.

Keywords: Cheo cultural value

Cha ông ta thường nói “có tích mới dịch nên trò”. Dù thấy người xưa coi tích truyện trong Chèo cổ là trụ cột, là linh hồn của trò diễn (nay gọi là vở diễn). Cũng giống giới sân khấu phương Tây rất đề cao vai trò tích truyện (fanle hoặc livret) thường có tác dụng quyết định vở diễn.

Về tích truyện, cả sân khấu phương Đông lẫn sân khấu phương Tây đều quan niệm không khác nhau, chỉ có cung cách thể hiện tích đó trong kết cấu kịch bản của mỗi kịch chủng mới là vấn đề cần làm sáng tỏ. Có hai loại kết cấu kịch bản đang dùng nhiều ở nước ta: kết cấu kịch bản kịch Dram và kết cấu bản trò của Chèo (cổ). Tuy nhiên trên thế giới có nhiều loại kịch với phương pháp biểu diễn riêng, ở đây chỉ đối chiếu với kịch Dram, loại kịch xâm nhập ào ạt vào nghệ thuật Chèo của nước ta đã mấy chục năm nay.

Kịch Dram rất quan tâm xây dựng tính cách nhân vật bằng chuỗi hành động xuyên qua các xung đột phát triển từ thấp lên cao, qua đây, tính cách từng nhân vật dần bộc lộ. Mâu thuẫn diễn ra càng ác liệt bao nhiêu thì sẽ càng gây hứng thú theo dõi và kích thích khán giả hưởng hứng thú bấy nhiêu. Diễn viên phải tìm

cách hòa nhập với vai diễn, sao cho khán giả này sinh cảm nhận ảo giác, lầm tưởng chuyện đang diễn trên sân khấu là đời thật mà khóc, cười theo nhân vật.

Chèo cổ thì khác, nghệ nhân (NN) vừa ra trò, bước vào chiếu diễn đã nói rõ sẽ kể lại câu chuyện (đã xảy ra) bằng trò diễn. Khán giả qua đó mà khách quan nhận xét hay - dở. Khán giả cùng sống trong suy nghĩ và ứng phó với nhân vật. Họ vừa thường thức tài nghệ của người đóng vai đồng thời từng lúc lại thông cảm hay xúc động trước tình huống của nhân vật mà diễn viên đang sắm vai. Họ còn bình phẩm sự tài năng biểu diễn của diễn viên, hoặc nội dung cốt truyện bằng tiếng Trống chầu hoặc tiếng Trống đế. Nói NN Chèo sắm vai khi thoát, khi nhập, người xem thường thức nghệ thuật diễn Chèo một cách năng động, thoải mái là như vậy. Mọi sự vận dụng máy móc nguyên tắc kịch thuật của thể hệ Stanhilapxki, kịch Mêlô hay phương pháp gián cách của sân khấu tự sự trí tuệ Becton Brech vào diễn Chèo, hoặc xem Chèo đều không thỏa đáng. Ở vở Chèo cổ nào cũng vậy, ngay trong lớp giáo đầu, ngay sau câu hát Sứ chúc “Trăm họ âu ca cô vũ”, “Nhân khang vật thạch” là tiếp đến xưng danh, theo lối kể, ví dụ:

ARTS

Nhớ xưa tích cũ
Có chàng tên gọi Trương Viên
(Trích trong vở Chèo cổ Trương Viên)

Hay:
Lẳng lẳng nghe tôi dẫn tích Quan Âm
Nhà họ Mãng ở Cao Ly quốc
(Trích trong vở Chèo cổ Quan Âm Thị Kính)

NN ra chiếu là đề dễ dàng xưng danh, nói tên tuổi, gia thế, khát vọng cho khán giả biết trước là nhân vật lo sắm vai thuộc người nào, ví dụ:

Ô rằng vậy
Chẳng dầu gì họ Mãng là tôi

Hay:
Tôi thị Mầu, con gái Phú ông
Thầy mẹ tôi tôn kính một lòng
Tiền cùng gạo lên chùa tiền cúng

Hoặc:
Ấy trước vào tôi ô rằng vậy
Chẳng dầu gì mẹ đình đám là tôi
(Trích trong vở Chèo cổ Quan Âm Thị Kính).

Tiếp theo là các sự kiện xảy đến tuần tự, làm có cho nhân vật bộc lộ suy nghĩ và hành động. Số sự kiện này, nghe qua tưởng chúng là những hiện tượng xã hội xảy đến ngẫu nhiên; song xét kỹ chúng phải được đặt đúng theo trình tự do bản trò sắp xếp chứng minh đạo đức nhân vật, tới khi đạt được yêu cầu giáo huấn mà soạn giả đề ra cho bản trò. Tức là những sự kiện trong một tích với cách ứng diễn của NN thể hiện nhân vật đều được xếp theo thứ tự tự nhiên, không xáo trộn việc sau lên trước.

Ví dụ như Thị Phương được thể hiện phẩm chất xứng đáng là “nàng dâu nuôi mẹ thế gian mấy người”, qua nhiều sự kiện: chạy giặc, bị đói, nàng cắt thịt cắt tay cứu sống mẹ chồng, vào động Quỷ bị Quỷ đòi ăn thịt, nàng kể lễ sự tình, Quỷ thương tha cho, lại gặp Hồ, Hồ đòi ăn thịt một trong hai người, nhưng mẹ và con tranh nhau xin được chết, tấm lòng vàng đó làm Hồ cảm thương mà tha cả cho hai mẹ con; Rồi nàng lại gặp Thân Rừng, Thân đòi khoét mắt nàng làm thang thuốc mới cứu sống được mẹ, nàng vâng chịu và dâng đôi mắt của mình làm thuốc cứu mẹ chồng, và nàng đã bị mù... Ông Tiên thương cảnh ngộ của nàng, trao cho nàng cây đàn và dạy cho nghề đàn hát để hai mẹ con đi kiếm sống, lang bạt khắp nơi rồi phúc đức trời thương, nàng gặp được Trương Viên. Vợ gặp chồng, mẹ gặp con, mừng mừng tủi tủi và bỗng dung đôi mắt nàng sáng lại, cả nhà đoàn viên, hạnh phúc vô bờ...

Hoặc Châu Long nuôi bạn thay chồng ba năm ròng, phải xa cảnh vợ chồng đầm ấm, với Lưu Bình ba lần

thử thách mỗi khi chàng đòi giao hòa nhưng nàng phải tìm cách khéo léo chối từ sao cho không méch lòng chàng Lưu, trái lại Lưu Bình càng tâm phục, quý trọng nàng hơn mà quyết tâm học hành, thi đỗ... Hay, Thị Kính nhận nhịn, chịu đựng bao thử thách nghiệt ngã, đến tưởng chừng như vô lý trong cả hai quãng đời “khi làm vợ để chồng ngờ thất tiết” và “lúc giả trai cho gái đồ oan”...

Ở mỗi nhân vật trên, xét nguyên nhân nội tại, các sự kiện xảy đến với họ dường như không dính dáng tới nhau, chúng xảy đến bất ngờ. Có điều, mỗi sự kiện đó đòi hỏi nhân vật phải có suy nghĩ và ứng phó, chứng minh một khía cạnh của phẩm cách và khía cạnh được bộc lộ sau khi giải quyết sự kiện. Quá trình chứng minh ấy, trật tự của bản trò được quy định rõ ràng, đạo đức nhân vật được khẳng định dần dần, tới khi đạt đủ mức giáo huấn của bản trò. Mọi sự thể hiện lẫn lộn trật tự trên dưới của các sự kiện sẽ làm giảm sút hiệu quả của sân khấu, vi phạm vào quá trình chuyển hóa tâm lý nhân vật trong Chèo cổ.

Nhìn tổng quát cả đời một nhân vật thì thấy, chúng vẫn nằm trong luật nhân quả thông thường: Người tốt trước sau sẽ đạt được hạnh phúc cá nhân, nhiều khi là hạnh phúc cả gia đình; kẻ xấu sẽ chịu hậu quả chẳng ra gì...

Cũng vì sự không ràng buộc vào mối xung đột đang phát triển từ thấp lên cao, mà từng sự kiện của Chèo cổ có thể tách ra biểu diễn độc lập, và tùy giá trị nghệ thuật (nội dung, diễn xuất) mà nổi lên từng mảng, từng lớp (nay ta gọi là trích đoạn) có đầu, có đuôi, có kết cấu, làm cho ai xem cũng nhớ và có thể kể lại được câu chuyện về người sống có đạo đức hay không có đạo đức. Kèm theo đó là vô số cảnh, đoạn, bài, điệu hát, câu nói... về những hiện tượng trái tai gai mắt, xảy ra trong sinh hoạt thường ngày ở nông thôn hay cung đình. Do đó, không ít câu chuyện cô trong dân gian được các bác Trùm, bác Thơ, NN tài năng soạn lại thành bản trò.

Trong quá trình kể lại ở Chèo cổ, việc lược bỏ, kể lướt hoặc nhấn mạnh vào tình tiết hay sự kiện là hoàn toàn tùy thuộc vào yêu cầu của chủ đề tiết mục, để tích truyện thích hợp với đặc điểm nghệ thuật kịch chùng và thêm cô đọng, hấp dẫn.

Vì phải kể lại câu chuyện bằng diễn xuất chèo, NN không có ý gây cho người xem tưởng nhầm những sự kiện đang xảy ra trên chiếu diễn là thật, mà trái lại, NN Chèo nói rõ và dùng mọi cách để khán giả tỉnh táo, giữ được sự sáng suốt, khách quan, cùng diễn viên đánh giá hành động của nhân vật. Không ít, khán giả còn giúp đỡ NN thể hiện tốt hơn vai đóng của mình qua nhiều hình thức nghệ thuật như tiếng đế, tiếng trống khâu, trống châu..., góp phần thúc đẩy

ARTS

buổi diễn tiến chuyển một cách phóng khoáng, sinh động, thậm chí còn bất ngờ, ví dụ như Tuần Tuy trong cảnh vợ cả (Đào Huế) đánh ghen vợ lẽ (Thiệt thể), Tuần tuy can ngăn, đỡ miếng cho vợ lẽ bị vợ cả đánh vào đầu, đau quá, kêu than:

Tuần Tuy: Úi trời ơi! ai sinh ra cái kiếp vợ cả, vợ lẽ để tui khổ như thế nì?

Đế (khán giả): Ai bảo lấy lầm vợ vào?

Tuần Tuy: Kệ tui!

(Trích trong vở Chèo cổ Chu Mãi Thân)

Nếu ở một số vở kịch Dram, tác giả và đạo diễn mong muốn khán giả đồng tình với sự sắp xếp và ý đồ của họ một cách thụ động, suy nghĩ và hưởng hành động của bản thân theo đường hướng đã vạch sẵn, thì ở Chèo cổ cả soạn giả lẫn NN đều dùng nhiều cách khơi gợi kích thích người xem (khán giả) sử dụng kinh nghiệm sống và sự tưởng tượng của bản thân mà bổ sung cho tiết mục thêm phong phú, sâu sắc.

Từ đây, không ít sự việc khó nói là không quan trọng của câu chuyện cũ, nay lại trở nên mới, đôi khi không cần thiết cho chủ đề tích hát, sẽ chỉ được NN “kê” lướt vài câu văn vắn, mà khán giả cũng đồng tình cho là đủ, ví dụ Như Thiện Sĩ chỉ hát điệu Hát Cách và nói 4 câu thơ của điệu Sử Xuân là quãng đường từ nhà chàng tới nhà nàng (Thị Kính) mà thiện Sĩ đi hỏi vợ đã rõ là hết sức “lướt”:

Thiện Sĩ: Đây đã tới ngõ mạn vườn đào

Trông chẳng khác tranh đồ thủy mặc

Trình Mãng ông có nhà hay vắng

Thiện Sĩ con có lẽ qua hầu!

(Trích trong vở Chèo cổ Quan Âm Thị Kính)

Trong khi đó, một số sự kiện khác lại được thể hiện chi li, như được các NN cố tình “nhấn” để những khía cạnh tâm tư liên quan đến bản chất đạo đức, tính cách nhân vật được bộc lộ sâu sắc, ví dụ như khi Hề gậy và Từ Thức đối đáp với nhau về chuyện ngắm tiên, bản đến cái mũi của Tiên, Từ Thức nghĩ rằng mũi Tiên phải đẹp, còn Hề thì nghĩ là mũi Tiên vô cùng xấu xí, cụ thể như sau:

Hề: Bác ơi! Con hỏi bác một câu nhá?

Từ Thức: Ồ! Con hỏi đi.

Hề: Cái gì nó lù lù ở trước mặt Tiên thế hả bác?

Từ Thức: Mũi Tiên đấy con ạ.

Hề: Mũi Tiên à, sao Tiên cũng có mũi hả bác?

Từ Thức: Tiên phải có mũi chú con.

Hề: Ai nặn mũi Tiên thế hả bác?

Từ Thức: Bà Mụ con ạ!

Hề: Bà ấy đâu?

Từ Thức: Hỏi bà ấy để con làm gì?

Hề: Con cho bà ấy mấy gậy.

Từ Thức: Chết! sao con lại giáng đánh bà Mụ?

Hề: Ai bảo bà ấy nặn mũi Tiên như mũi người thế?

Từ Thức: Thế con nặn thế nào?

Hề: Con cứ nặn mũi Tiên to bằng cái giò bắt cua...

Từ Thức: Cài thàng, tề!

(Trích trong vở Chèo cổ Từ Thức, chèo Khuốc)

Như vậy, khác nào Hề coi Tiên như vật lạ, xấu xí không kê hết, chẳng ra mặt người. Lối kể chuyện này của Chèo cổ vừa dí dỏm, hài hước, lại vô cùng sâu sắc. Đó chẳng phải là chuyện quan điểm, chuyện nhận thức việc người, việc đời giữa quan (Từ Thức) và dân (Hề) rất khác nhau sao? Và như vậy, rõ ràng một khía cạnh nào đó, ta thấy quan và dân đều có một lòng, đầu cùng chí hướng.... Thế nên, xã hội khó phát triển, vì quan hình thức, tham lam, dân thực tại, gàn gù và nghèo khổ... Lối kể chuyện của Chèo cổ thực độc đáo, giá trị vô cùng.

Chưa hết, nhờ có hát, múa và động tác cách điệu tinh tế của Chèo cổ, khán giả “trông thấy” những suy tư từ triu tượng của nhân vật mà tưởng tượng tinh tiết của nhân vật, của câu chuyện. Việc lược bỏ, chi tiết khác thường được nhà nghệ làm rất mạnh dạn, chỉ giữ lại những gì thích hợp với đặc điểm nghệ thuật của kịch chúng, làm nổi rõ chủ đề mà thôi. Ở Chèo, khán giả và NN cùng đứng về một phía mà định giá, thẩm xét lại tích truyện đang trình diễn bằng những lời xưng danh báo tính, những tiếng đế hỏi, đế hứng, tung hứng, trao gửi cho nhau gây cười hoặc châm biếm,... Như vậy khán giả và NN cùng tham gia kể chuyện, họ còn nhắc nhau tinh táo theo dõi và thể hiện câu chuyện sao cho linh hoạt, hấp dẫn. Từng lúc, từng chỗ, soạn giả Chèo cổ xưa luôn dành đất diễn cho NN vươn lên đóng vai giống như thật, mà lại cách điệu, ngoa ngoắt không như thật, tạo nên nghệ thuật biểu diễn, kê ý của câu chuyện, nên thấy Chèo cổ thực độc đáo, ví dụ như:

Thị Màu: Chị em ơi!

Đế (khán giả): Sao?

Thị Màu: Người đâu đến tu chùa, mà đẹp như sao băng thế nhỉ?

Đế: Sao lại khen Tiểu đẹp thế Màu ơi?

Thị Màu: Đẹp thì người ta khen chứ sao?

Vào hát điệu Bình thảo:

Người đâu đến ở chùa này

Cổ kiêu ba ngấn lông mày nét ngang

Và khán giả thấy Màu mê mẩn Tiểu rồi, nên đánh thức Thị Màu:

Đế: Màu ơi.... người ta bắt hết bò nhà mày rồi...

Thị Màu: Nhà tao còn ổi trâu.

Đế (khán giả) hỏi tiếp: Màu ơi!

Thị Màu, bực bội: Cái gì thế?

Đế: Nhà mày có mấy chị em?

Thị Màu, kênh kiệu: Nhà tao có 9 chị em.

ARTS

Đế, chằm biếm: Thế có ai như mày không?
Thị Mầu tro trên: Chỉ có mỗi mình tao là...chín
chấn nhất nhà thôi đấy!
(Trích trong vở Chèo cổ Quan Âm Thị Kính)

Như vậy thật khác, nếu như ở kịch Dram đòi hỏi phải xâu chuỗi những sự kiện, một cách hữu cơ, người diễn viên trước khi hành động phải đánh giá, xem tác động, tìm nguyên nhân và dự đoán hậu quả của sự kiện gây ra cho nhân vật ra sao? Thì ở Chèo, NN không quan tâm nhiều đến “bản thân” các sự kiện, nhưng lại ứng phó với những tác động của sự kiện đó hợp lý, hợp tình. Cho nên, làm rõ phẩm chất (đạo đức) của nhân vật là điều cốt yếu, còn những sự kiện xảy ra là do khách quan mang lại. Do đó, trong Chèo cổ thường có sự tách biệt nội dung thành những trích đoạn mà ngày nay chúng ta chứng kiến.

Lối kể chuyện độc đáo này trong văn hóa Việt thấy rất rõ, bởi tính tả ý, nói bóng, nói gió, xa gần của các NN khi thể hiện nhân vật ta như thấy đâu đó vẫn xảy ra trong cuộc sống thường nhật, nhất là ở làng quê. Chuyện nói bóng gió, xa xôi, đôi khi còn ngoa ngoắt, đã trở thành sở thích, ứng xử thường nhật của người nông dân Việt Nam xưa. Lối kể chuyện lúc nào cần “nhân” là “nhân”, lúc cần “lướt” là “lướt”, chủ yếu tập trung lột tả tính cách (đạo đức) của nhân vật. Trong khi đó, cả NN và khán giả cùng kể chuyện và đồng tình chế nhạo cái xấu xa, cái nghịch cảnh cuộc đời bằng các thủ pháp nghệ thuật khác nhau mà trong phương pháp nghệ thuật của Chèo cổ thấy rõ.

Thế nên, Chèo cũng đòi hỏi NN thể hiện thành lớp trò và tài năng của người ghim ghép các mảnh trò đó lại thành một vở diễn tổng thể, sao cho khi trình diễn các tiết mục phải mạch lạc, chặt chẽ hoặc bề bộn, rối ren... Trong Chèo nhiều khi ngay cả tên của nhân vật (nhất là nữ) dù là nhân vật chính, nhiều khi lại không mang tên truyện, tên tích. Nhưng những nhân vật ấy lại làm nên thân truyện như Thị Phương trong vở Trương Viên, Châu Long trong vở Lưu Bình Dương Lễ.

Và những câu chuyện kể trong trong Chèo cổ khi được khai thác để soạn thành bản trò diễn đều bị đẩy lùi về thời quá khứ, ví dụ như:

Vậy có thơ rằng...

Nhớ xưa tích cũ

Có một chàng tên gọi Trương viên...

Các soạn giả vận dụng lối kể chuyện để thể hiện việc cũ hóa. Đó cũng là những thủ pháp của Chèo cổ đã trở thành quy tắc đòi hỏi người soạn giả cũng như người sắm vai dẫn truyện phải tuân thủ, đồng thời lại gợi nhớ, nhắc khán giả khi xem Chèo cần cảm nhận Chèo như một hiện thực đã qua.

Rõ ràng, Chèo thể hiện bản chất tư duy tổng hợp

trong văn hóa Việt, cũng có thể là truyền thống của văn hóa phương Đông nói chung.

Nghệ thuật phương Đông là nghệ thuật tả ý, không phải là nghệ thuật tả thực. Đó là truyền thống “vẽ mây tả trăng”, là truyền thống “kiệm lời” của văn học dân gian người Việt. Vì vậy, cho nên mới có “nhân” và “lướt” ở trong Chèo. Những gì cần thể hiện ý một cách sâu sắc thì phải “nhân”, những gì xa ý thì cần phải “lướt”. Nét đặc trưng văn hóa này rất khác với văn hóa phương Tây. Đó cũng là thể hiện tính triết học phương Đông khá cao của Chèo.

Nhiều khi ta xem Chèo dường như thấy Chèo tách khỏi cuộc sống để nhìn lại nó, nhận thức về nó như một tổng thể phức hợp, trong đó sự gia tăng của yếu tố này, ảnh hưởng đến yếu tố kia và ngược lại. Đó là sự giãn cách cần thiết để người phương Đông tạo ra được một nền văn hóa cho riêng mình. Chèo cũng vậy, khi biểu diễn người NN và khán giả luôn tỉnh táo, đẩy lùi câu chuyện về quá khứ, để nhìn nhận, khen chê, đánh giá nhân vật, mà câu chuyện như bài học được rút ra từ cuộc sống cho mình. Bằng các thủ pháp nghệ thuật riêng có của Chèo, đã làm cho câu chuyện trong Chèo cổ vừa hư, vừa thực, vừa như xa xôi mà gần gũi đời thường. Ta thấy NN với khán giả trong Chèo cổ như một mà lại là hai, bởi sự tỉnh táo, đó cũng chính là lý trí trong văn hóa phương Đông nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng.

Tóm lại, Chèo cổ thuộc loại sân khấu kể chuyện của dân tộc, trong đó NN sử dụng rất linh hoạt, sáng tạo các yếu tố tự sự, trữ tình, hài hước, phối hợp nhuần nhuyễn theo phong cách tả ý là chủ yếu. Lối kể chuyện không vờ vập, mà tế nhị, tập trung vào tình tiết của tính cách (đạo đức) nhân vật, mà cả NN và khán giả bằng nghệ thuật độc đáo và sự sáng tạo tài tình thông quan văn hóa để tìm tòi, khắc sâu tính cách nhân vật, tô đậm câu chuyện văn hóa Việt Nam giàu thêm bản sắc.

Trở về với văn hóa truyền thống, đặc điểm này của Chèo là sự kết tinh và thể hiện sự sinh động văn hóa Việt. Lối trò chuyện, thể ứng xử ý tứ xa xôi được xem như một đặc điểm quan trọng của văn hóa Việt Nam truyền thống. Những chứng tích về tính tự sự, ý tứ, tế nhị, tinh tế vẫn hiển hiện trong cả văn hóa hôm nay, điều này rất khác với văn hóa phương Tây. Lối tả ý ấy, ta thấy vẫn còn ở khắp nơi, ở nhiều loại hình nghệ thuật văn hóa dân gian Việt Nam mà trong Chèo cổ vẫn thấm đậm.

Lối kể chuyện một cách dí dỏm, nhuần nhuyễn và đôi khi có cả thông điệp sự đời của Chèo cổ là được sinh ra và nuôi dưỡng trong sự phát triển của nền tảng văn hóa Việt Nam truyền thống, văn hóa trữ tình, mềm mại và hòa nhã, thể ứng xử văn hóa ấy như có trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc mà Chèo cổ đã tinh tế

ARTS

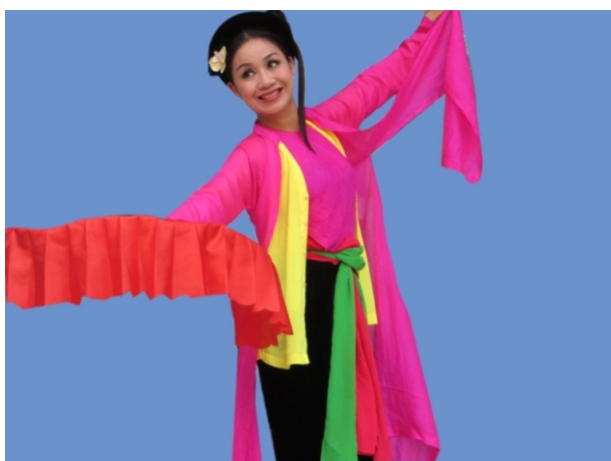
tiếp thu để luôn là một nghệ thuật giàu giá trị bản sắc văn hóa Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

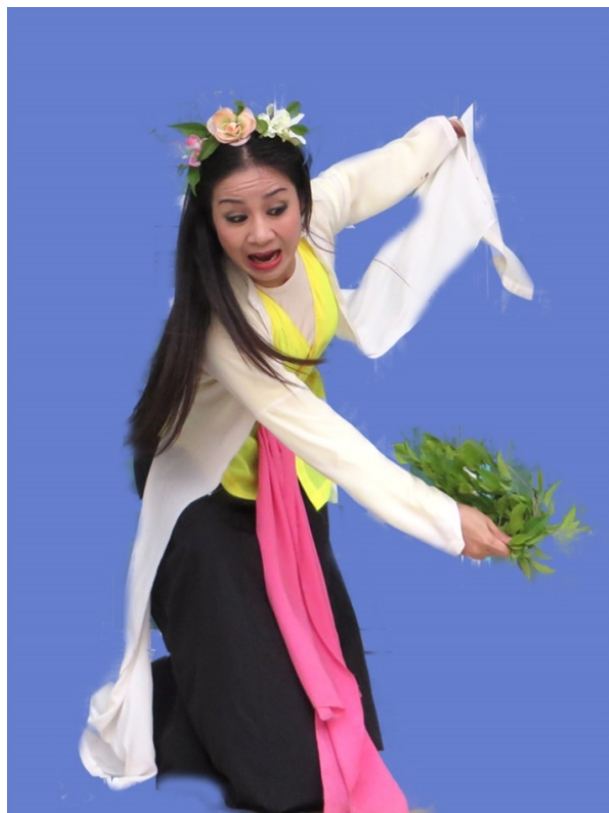
1. Trần Việt Ngữ (1996), *Về nghệ thuật Chèo*, Viện Âm nhạc Việt Nam, Hà Nội.
2. Hoàng Kiều - Hà Hoa (2007), *Những làn điệu chèo cổ chọn lọc*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
3. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Hà Hoa (2008), *Nghệ thuật chèo trong đời sống cư dân ở Thái Bình*, Luận án TS, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, Hà Nội.
5. Một số trích đoạn Chèo cổ: Thị Mầu lên chùa, Tuấn Tuy Đào Huế, Hề Từ Thức...



(Các NN chèo làng Khuốc biểu diễn tại Nhà thờ Tổ, năm 2016)



NSUT Lâm Thanh, Nhà hát chèo Quân đội, trong vai Thị Mầu



NSUT Lâm Thanh, Nhà hát chèo Quân đội, trong vai Sứy Vân giả dại